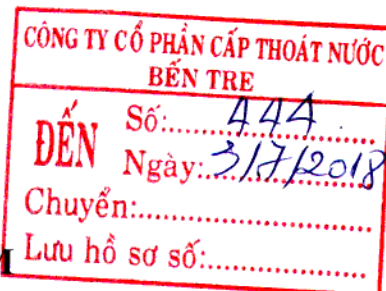


PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0963.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn Lương Quới
Ngày lấy mẫu : 07/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 07/06/2018



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	07/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	07/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	08/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	07/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	1,33 NTU	≤ 2 NTU	07/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,34	6,5 – 8,5	07/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	174,00 mg/l	≤ 300 mg/l	08/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	300,00 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,09 mg/l	≤ 0,3 mg/l	08/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	4,16 mg/l	≤ 50 mg/l	08/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	08/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	72,06 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	1,98 mg/l	≤ 2 mg/l	07/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	07/06/2018

Mã số mẫu: 0963.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có chỉ tiêu Hàm lượng Clorua được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM


Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 22 tháng 06 năm 2018

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0964.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Giữa nguồn Chi nhánh cấp nước Giồng Trôm
Ngày lấy mẫu : 07/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 07/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	07/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	07/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	08/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	07/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	1,11 NTU	≤ 2 NTU	07/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,35	6,5 – 8,5	07/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	190,00 mg/l	≤ 300 mg/l	08/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2012 (a)	317,00 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	08/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	5,22 mg/l	≤ 50 mg/l	08/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	08/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	93,26 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	1,92 mg/l	≤ 2 mg/l	07/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,4 mg/l	0,3-0,5 mg/l	07/06/2018

Mã số mẫu: 0964.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có chỉ tiêu Hàm lượng Clorua được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 22 tháng 06 năm 2018


Võ Thị Giem

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0965.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Cuối nguồn Bình Thành Giồng Trôm
Ngày lấy mẫu : 07/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 07/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	07/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	07/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	08/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	07/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	1,26 NTU	≤ 2 NTU	07/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,18	6,5 – 8,5	07/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	192,00 mg/l	≤ 300 mg/l	08/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	320,00 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,16 mg/l	≤ 0,3 mg/l	08/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	4,94 mg/l	≤ 50 mg/l	08/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	08/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	94,47 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	2,69 mg/l	≤ 2 mg/l	07/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	07/06/2018

Mã số mẫu: 0965.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có chỉ tiêu Hàm lượng Clorua, Chỉ số Pecmanganat được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 22 tháng 06 năm 2018


Võ Thị Giem

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0946.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy Sơn Định - Chợ Lách
Ngày lấy mẫu : 06/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 06/06/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BẾN TRE**
Số: 445
ĐẾN Ngày: 3/7/2018
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	08/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,14 NTU	≤ 2 NTU	06/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,92	6,5 – 8,5	06/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	100,00 mg/l	≤ 300 mg/l	08/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	18,00 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,09 mg/l	≤ 0,3 mg/l	08/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	3,96 mg/l	≤ 50 mg/l	08/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	08/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	33,17 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	0,64 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	06/06/2018

Mã số mẫu: 0946.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 21 tháng 06 năm 2018


Võ Thị Cẩm

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0948.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Cuối nguồn Cà phê Như Huỳnh, khu phố 3, thị trấn Chợ Lách
Ngày lấy mẫu : 06/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 06/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	08/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,59 NTU	≤ 2 NTU	06/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,82	6,5 – 8,5	06/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	102,00 mg/l	≤ 300 mg/l	08/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	18,00 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH	≤ 0,3 mg/l	08/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	4,12 mg/l	≤ 50 mg/l	08/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	08/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	35,07 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	0,51 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	06/06/2018

Mã số mẫu: 0948.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM


Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 21 tháng 06 năm 2018

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0947.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Giữa nguồn Tiệm tóc Diễm My, khu phố 1, thị trấn Chợ Lách
Ngày lấy mẫu : 06/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 06/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	6,00 TCU	15 TCU	08/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	1,62 NTU	≤ 2 NTU	06/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,75	6,5 – 8,5	06/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	104,00 mg/l	≤ 300 mg/l	08/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	18,00 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,21 mg/l	≤ 0,3 mg/l	08/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	4,39 mg/l	≤ 50 mg/l	08/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	08/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	31,60 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,4 mg/l	0,3-0,5 mg/l	06/06/2018

Mã số mẫu: 0947.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM


Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 21 tháng 06 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0945.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn An Hiệp
Ngày lấy mẫu : 06/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 06/06/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BẾN TRE

Số: 446
ĐẾN Ngày: 3/7/2018
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	08/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,59 NTU	≤ 2 NTU	06/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,44	6,5 – 8,5	06/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	110,00 mg/l	≤ 300 mg/l	08/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	27,50 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,19 mg/l	≤ 0,3 mg/l	08/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	4,07 mg/l	≤ 50 mg/l	08/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	08/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	42,36 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	0,58 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	06/06/2018

Mã số mẫu: 0945.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 21 tháng 06 năm 2018


Võ Thị Giem

CHỖ GIÁM ĐỐC
HỌ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0908.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn Sơn Đông
Ngày lấy mẫu : 04/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 04/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	06/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,51 NTU	≤ 2 NTU	04/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,41	6,5 – 8,5	04/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	106,00 mg/l	≤ 300 mg/l	06/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	50,00 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH	≤ 0,3 mg/l	06/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	5,12 mg/l	≤ 50 mg/l	06/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	06/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	25,37 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLD & VSMT	1,00 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	04/06/2018

Mã số mẫu: 0908.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

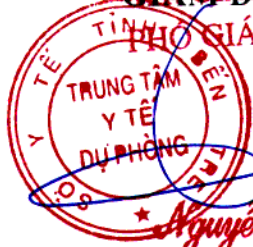
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM


Võ Thị Giem

Bến Tre, ngày 19 tháng 06 năm 2018

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0911.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : 108B, khu phố 4, phường 5, Tp Bến Tre
Ngày lấy mẫu : 04/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 04/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	06/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	1,03 NTU	≤ 2 NTU	04/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,54	6,5 – 8,5	04/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	114,00 mg/l	≤ 300 mg/l	06/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	49,00 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	06/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	5,60 mg/l	≤ 50 mg/l	06/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	06/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	28,91 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLĐ & VSMT	1,10 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	04/06/2018

Mã số mẫu: 0911.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

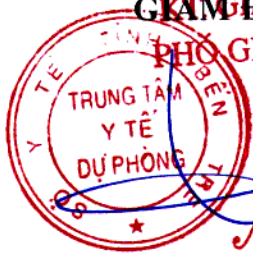
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 19 tháng 06 năm 2018


Võ Thị Giem

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0910.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Hủ tiêu Hương Nguyễn Huệ, phường 1, Tp Bến Tre
Ngày lấy mẫu : 04/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 04/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	06/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,43 NTU	≤ 2 NTU	04/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	6,56	6,5 – 8,5	04/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	106,00 mg/l	≤ 300 mg/l	06/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	40,00 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH	≤ 0,3 mg/l	06/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	4,26 mg/l	≤ 50 mg/l	06/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	06/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	17,22 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLD & VSMT	1,10 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	04/06/2018

Mã số mẫu: 0910.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM


Võ Chi Tiêm

Bến Tre, ngày 19 tháng 06 năm 2018

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0909.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Tiệm sửa xe Huy, Tú Điền, Tp Bến Tre
Ngày lấy mẫu : 04/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 04/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	06/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,84 NTU	≤ 2 NTU	04/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,39	6,5 – 8,5	04/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	106,00 mg/l	≤ 300 mg/l	06/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	31,00 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH	≤ 0,3 mg/l	06/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	5,44 mg/l	≤ 50 mg/l	06/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	06/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	24,06 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLD & VSMT	1,30 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	04/06/2018

Mã số mẫu: 0909.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 19 tháng 06 năm 2018


Võ Thị Giem

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0949.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Trạm tăng áp Hàm Luông
Ngày lấy mẫu : 06/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 06/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	06/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	08/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,47 NTU	≤ 2 NTU	06/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,34	6,5 – 8,5	06/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	124,00 mg/l	≤ 300 mg/l	08/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	58,00 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH	≤ 0,3 mg/l	08/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	5,69 mg/l	≤ 50 mg/l	08/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	08/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	46,72 mg/l	≤ 250 mg/l	08/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	0,32 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	06/06/2018

Mã số mẫu: 0949.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 21 tháng 06 năm 2018


Võ Chi Giếm

KIỂM ĐỌC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0916.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn CN Phú Tân
Ngày lấy mẫu : 04/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 04/06/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BẾN TRE**

ĐẾN Số: 497
Ngày: 3/7/2018
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	06/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,17 NTU	≤ 2 NTU	04/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	6,75	6,5 – 8,5	04/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	106,00 mg/l	≤ 300 mg/l	06/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	33,00 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,09 mg/l	≤ 0,3 mg/l	06/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	5,11 mg/l	≤ 50 mg/l	06/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	06/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	24,70 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	0,90 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,05 mg/l	0,3 mg/l	06/06/2018
15	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	04/06/2018

Mã số mẫu: 0916.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 25 tháng 06 năm 2018


Võ Thị Giem


GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0917.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Giữa nguồn Tân Thạch
Ngày lấy mẫu : 04/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 04/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	06/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,23 NTU	≤ 2 NTU	04/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	6,56	6,5 – 8,5	04/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	104,00 mg/l	≤ 300 mg/l	06/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	33,00 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	06/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	4,90 mg/l	≤ 50 mg/l	06/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	06/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	25,06 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	0,80 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,4 mg/l	0,3-0,5 mg/l	04/06/2018

Mã số mẫu: 0917.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 25 tháng 06 năm 2018



Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0918.18



VILAS 964

Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Cuối nguồn KCN Giao Long
Ngày lấy mẫu : 04/06/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 250ml
Ngày nhận mẫu : 04/06/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/06/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	06/06/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/06/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,16 NTU	≤ 2 NTU	04/06/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,88	6,5 – 8,5	04/06/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	106,00 mg/l	≤ 300 mg/l	06/06/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	36,00 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,09 mg/l	≤ 0,3 mg/l	06/06/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	6,11 mg/l	≤ 50 mg/l	06/06/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	06/06/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	30,41 mg/l	≤ 250 mg/l	06/06/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	0,60 mg/l	≤ 2 mg/l	06/06/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,11 mg/l	0,3 mg/l	06/06/2018
15	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	04/06/2018

Mã số mẫu: 0918.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM


Võ Thị Cẩm

Bến Tre, ngày 25 tháng 06 năm 2018

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định